Biểu số 01

BIỂU CHI TIẾT THU HỒI, ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 565/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4)		**30.389.875.191**	
1	**Sở Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp)**		**2.008.584.601**	
		Kinh phí thường xuyên	**793.584.601**	
		Lương và các khoản có tính chất lương	677.495.934	
		Kinh phí chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	116.088.667	
		Kinh phí không thường xuyên	**1.215.000.000**	-
		Kinh phí xúc tiến đầu tư	1.200.000.000	
		Kinh phí thi đua khen thưởng	15.000.000	
2	**Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**		**5.820.119.130**	
2.1	**Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Sở)**		**1.250.000.000**	
		Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Xây dựng và phát triển Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2026 theo quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh	1.250.000.000	
2.2	**Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch**		**4.570.119.130**	
		Kinh phí thường xuyên	**1.699.918.130**	
		Lương và các khoản có tính chất lương	1.371.589.130	
		Kinh phí chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	328.329.000	
		Kinh phí không thường xuyên	**2.870.201.000**	
		Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới: Phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn (Mã 00496)	44.578.000	
		Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã 00516)	3.000	
		Kinh phí thi đua khen thưởng	12.000.000	
		Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên Mẫu Sơn	200.000.000	
		Kinh phí trang bị 02 tủ đựng tài liệu	10.000.000	
		Chương trình xúc tiến Du lịch năm 2024	2.537.000.000	
		Trưng bày quảng bá du lịch tại Lễ hội Hoa Đào và các hoạt động mừng Đảng mừng Xuân năm 2024	66.620.000	
3	**Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại)**		**9.849.876.460**	
		Kinh phí thường xuyên	**2.035.250.460**	
		Lương và các khoản có tính chất lương	1.663.431.960	
		Kinh phí chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	371.818.500	
		Kinh phí không thường xuyên	**7.814.626.000**	
		Kinh phí thi đua khen thưởng	12.000.000	
		Sửa chữa ô tô	40.000.000	
		Kinh phí Chương trình tiết kiệm năng lượng theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	1.800.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ mở rộng thị trường theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	937.000.000	
		Chương trình Khuyến công theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh	2.015.626.000	
		Chương trình Xúc tiến thương mại theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	3.010.000.000	
4	**Sở Xây dựng**		**12.711.295.000**	
		Kinh phí không thường xuyên	**12.711.295.000**	
		Kinh phí quản lý Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Lạng Sơn	8.452.943.000	
		Kinh phí quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải và hệ thống thoát nước thải thuộc dự án Khu tái định cư và dân cư Nam thành phố Lạng Sơn	693.512.000	
		Kinh phí quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải và các trạm bơm thuộc dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Lạng Sơn giai đoạn 1	3.564.840.000	

Biểu số 02

BIỂU CHI TIẾT GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 565/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4)		**30.389.875.191**	
1	**Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch**		**16.609.556.181**	
		Kinh phí thường xuyên	**3.665.729.181**	
		Lương và các khoản có tính chất lương (32 người làm việc)	2.669.013.214	
		Kinh phí chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (32 người làm việc)	567.317.226	
		Lương và các khoản có tính chất lương (03 lãnh đạo và 01 biên chế mới tiếp nhận)	333.700.000	
		Kinh phí chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (03 lãnh đạo và 01 biên chế mới tiếp nhận)	95.698.741	
		Kinh phí không thường xuyên	**12.943.827.000**	
		Kinh phí xúc tiến đầu tư	1.200.000.000	
		Kinh phí thi đua khen thưởng	33.000.000	
		Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Xây dựng và phát triển Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2026 theo quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh	1.250.000.000	
		Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới: Phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn (Mã 00496)	44.578.000	
		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã 00516)	3.000	
		Kinh phí trang bị 02 tủ đựng tài liệu	10.000.000	
		Chương trình xúc tiến Du lịch năm 2024	2.537.000.000	
		Trưng bày quảng bá du lịch tại Lễ hội Hoa Đào và các hoạt động mừng Đảng mừng Xuân năm 2024	66.620.000	
		Sửa chữa ô tô	40.000.000	
		Kinh phí Chương trình tiết kiệm năng lượng theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	1.800.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ mở rộng thị trường theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	937.000.000	
		Chương trình Khuyến công theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh	2.015.626.000	
		Chương trình Xúc tiến thương mại theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	3.010.000.000	
2	**Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Ban Quản lý Công viên địa chất)**		**1.069.024.010**	
		Kinh phí thường xuyên	**863.024.010**	
		Lương và các khoản có tính chất lương	709.803.810	
		Kinh phí chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	153.220.200	
		Kinh phí không thường xuyên	**206.000.000**	
		Kinh phí thi đua khen thưởng	6.000.000	
		Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên Mẫu Sơn	200.000.000	
3	**Thành phố Lạng Sơn**		**12.711.295.000**	
		Kinh phí không thường xuyên	**12.711.295.000**	
		Kinh phí quản lý Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Lạng Sơn	8.452.943.000	
		Kinh phí quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải và hệ thống thoát nước thải thuộc dự án Khu tái định cư và dân cư Nam thành phố Lạng Sơn	693.512.000	

STT	Tên đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
		Kinh phí quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải và các trạm bơm thuộc dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Lạng Sơn giai đoạn 1	3.564.840.000	